TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST Ngày 19 - 4 - 2018 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Hồng Diện

2. Ông: Hoàng Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Phương L (*Tên gọi khác là Triệu Thị L*), sinh năm 1986; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phóng Quang N (*Tên gọi khác là Phóng Văn N)*, sinh năm 1984; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Triệu Thị Phương L trình bày: Chị và anh Phóng Quang N về chung sống với nhau từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi cưới được một thời gian anh chị làm nhà ra ở riêng tại thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm và có 02 con chung. Đến năm 2010 thì

nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phóng Quang N thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè không chịu tu chí làm ăn, bản thân chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi dẫn đến trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình góp ý, khuyên giải nhưng không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Chính vì vậy, chị và anh N đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu cố duy trì cuộc hôn nhân này cũng không hạnh phúc, nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phóng Quang N.

Về phía bị đơn anh Phóng Quang N trình bày: Năm 2002 anh và chị Triệu Thị Phương L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, lý do không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới, anh chị đã làm nhà ra ở riêng tại Thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, trong thời gian về chung sống anh chị sinh được hai con chung, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 15 năm. Từ năm 2017 thì giữa hai anh chị mới xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do mỗi người một quan điểm, một cách sống khác nhau, không thể hòa hợp và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Chính vì sự bất đồng quan điểm, nên anh và chị L thường hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy, từ năm 2017 cho đến nay chị L bỏ đi làm thuê tại Hà Nội nên giữa hai anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị L có yêu cầu xin được ly hôn thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N đều khai quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Phóng Quốc Anh H, sinh ngày 15/5/2003 và cháu Phóng Thảo L, sinh ngày 04/01/2006.

Quá trình hòa giải cả hai anh chị cùng thống nhất: Chị Triệu Thị Phương L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Thảo L, sinh ngày 04/01/2006. Anh Phóng Quang N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Quốc Anh H, sinh ngày 15/5/2003 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phần tài sản chung: Cả hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Do chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N lấy nhau không đăng ký kết hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, chị Triệu Thị Phương L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Phóng Quang N; phần nuôi con chung chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị theo biên bản hòa giải ngày 15/3/2018. Còn anh Phóng Quang N tại phiên tòa vắng mặt, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt anh N vẫn giữ nguyên quan điểm nội dung đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N; về việc nuôi con đề nghị xử cho chị Triệu Thị Phương L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Thảo L, sinh ngày 04/01/2006. Còn Anh Phóng Quang N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Quốc Anh H, sinh ngày 15/5/2003 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Triệu Thị Phương Lđược quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn anh Phóng Quang N vắng mặt, nhưng trước đó bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm chị L và anh N về chung sống với nhau, cả hai anh chị chưa đủ tuổi kết hôn, sau khi đủ tuổi anh chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Dó đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N là không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác, quá trình giải quyết cả hai anh chị đều xác nhận trong thời gian chung sống luôn phát sinh mâu thuẫn, anh chị cũng không chung sống cùng nhau từ năm 2017 và

không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N.

[3] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa chị Triệu Thị Phương L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Thảo L, sinh ngày 04/01/2006 và giao cho anh Phóng Quang N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Quốc Anh H, sinh ngày 15/5/2003 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Phóng Quang N vắng mặt, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt anh N cũng có quan điểm như chị L.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung là hoàn toàn hợp tình, hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu. Nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 15 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, chị Triệu Thị Phương L và anh Phóng Quang N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thị Phương L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 57; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị Phương L (*Tên gọi khác là Triệu Thị L*) và anh Phòng Quang N (*Tên gọi khác là Phóng Văn N)*.

2. Về nuôi con chung:

Xử giao cho chị Triệu Thị Phương L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Thảo L, sinh ngày 04/01/2006. Anh Phóng Quang N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phóng Quốc Anh H, sinh ngày 15/5/2003 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Phương L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 03370 ngày 22 tháng 12 năm 2017.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Tư

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.